

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Không Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông

2. Bà Phạm Thị Tú Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 982/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 371/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279 /2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đặng Minh K**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: **Tổ C, KV6, P. Đ, TP ., tỉnh Bình Định.**

Bị đơn: Chị **Đỗ Tuyết N**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: **3 T, TP ., tỉnh Bình Định.**

Anh **K** có đơn xin xét xử vắng mặt, chị **N** vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh **Đặng Minh K** trình bày:*

Anh và chị **Đỗ Tuyết N** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND phường Đ, TP ., tỉnh Bình Định** vào ngày 04/5/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị **N** không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho các con, gây nợ nần, nhiều lần anh vay mượn tiền để trả nợ cho chị **N**, anh có khuyên chị **N** thay đổi nhưng không có kết quả. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị **N**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Đặng Khả N1**, sinh ngày 07/10/2010 và **Đặng Khả Ý**, sinh ngày 14/10/2014. Hiện nay các cháu đang ở với anh, sức khỏe tốt. Ly hôn anh xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Bị đơn chị **Đỗ Tuyết N** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng chị **N** không đến Tòa làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai.*

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh **Đặng Minh K** được ly hôn chị **Đỗ Tuyết N**.

- Về con chung: Giao cháu **Đặng Khả N1** và **Đặng Khả Ý** cho anh **Đặng Minh K** trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh **Đặng Minh K** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với chị **Đỗ Tuyết N**, trú tại địa chỉ: **3 T, Tp ., tỉnh Bình Định** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh **Đặng Minh K** và chị **Đỗ Tuyết N** nhưng chị **N** không có mặt tại phiên tòa, anh **K** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Đặng Minh K** và chị **Đỗ Tuyết N** đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2010 tại **UBND phường Đ, TP ., tỉnh Bình Định** trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh **K** và chị **N** là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị **N** không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho các con, gây nợ nần, nhiều lần anh vay mượn tiền để trả nợ cho chị **N**. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn chị **N**.

Bị đơn chị **Đỗ Tuyết N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng chị **N** vắng mặt chứng tỏ chị **N** không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với anh **K**. Trong khi đó, anh **K** xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với chị **N** và kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn giữa anh **K** và chị **N** đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh **K** yêu cầu ly hôn chị **N** là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Đặng Khả N1**, sinh ngày 07/10/2010 và **Đặng Khả Ý**, sinh ngày 14/10/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với anh **K**, sức khỏe bình thường. Khi ly hôn, anh **K** yêu cầu được nuôi cả hai cháu. Xét thấy: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh **K** đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2023, cháu **Đặng Khả Ý** và cháu **Đặng Khả N1** đều có nguyện vọng ở với ba. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu sau ly hôn nên giao hai cháu cho anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Đặng Minh K** không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh **Đặng Minh K** không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh **Đặng Minh K** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2.5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh **Đặng Minh K** được ly hôn chị **Đỗ Tuyết N**.
2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu **Đặng Khả N1**, sinh ngày 07/10/2010 và cháu Đặng Khả Ý, sinh ngày 14/10/2014 cho anh **Đặng Minh K** trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Đặng Minh K** không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh **Đặng Minh K** không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh **Đặng Minh K** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000722 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. Đống Đa, Tp. Quy Nhơn (GCNKH số 94/2010 ngày 04/5/2010);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương

